TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/DS - ST
Ngày: 25 - 11 - 2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N -TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Đào Văn Rạng;

- Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2019/TLST – TCDS ngày 17 tháng 09 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐST – TCDS ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm 12, Hải Nam, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* *Bị đơn*: Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 12, Hải Nam, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị D, chị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2019, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày: Trên cơ sở là chỗ quen biết hàng xóm với nhau nên chị có cho chị Phạm Thị Q vay tổng số tiền là 330.000.000 đồng làm ba lần, cụ thể: Lần 1: Ngày 30/02/2018 cho chị Q vay 155.000.000 đồng;

- Lần 2: Ngày 15/3/2018, cho chị Q vay 95.000.000 đồng;

- Lần 3: Ngày 25/6/2018, cho chị Q vay 80.000.000 đồng.

Khi vay hai bên thoả thuận bằng miệng về lãi suất là 1,5%/ tháng và hẹn ngày trả toàn bộ nợ gốc và lãi là ngày 15/7/2018. Tuy nhiên đầu tháng 7/2018, chị Q và gia đình đã bỏ đi khỏi địa phương, không liên lạc được. Tháng 12/2018, chị Q có về nhà, chị có đến đòi nợ và từ đó đến nay, chị đã nhiều lần đòi nợ nhưng chị Q vẫn không trả cả gốc lẫn lãi theo như thoả thuận. Nay chị đề nghị Toà án buộc chị Q phải trả số tiền gốc 330.000.000 đồng và số tiền lãi mỗi tháng 4.500.000 đồng (tương đương 1,5%/tháng) từ tháng 06/2018 cho đến hết tháng 9/2019 là 72.000.000 đồng (= 4.500.000 đ x 16 tháng) và số lãi phát sinh cho đến khi chị Q trả xong nợ. Tại các phiên hoà giải, chị D nhất trí mức lãi suất mà chị Q đưa ra là 3.300.000 đồng/ tháng (tương đương 1%/tháng). Việc vay nợ giữa chị D và chị Q không liên quan đến anh Nguyễn Văn Th là chồng chị Q. Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân huyện N buộc chị Phạm Thị Q phải trả cả số tiền gốc đã vay 330.000.000 đồng và tiền lãi vay từ tháng 06/2018 cho đến tháng 11/2019 là 59.400.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bị đơn chị Phạm Thị Q trình bày: Chị và chị D là hàng xóm của nhau, nên từ cuối năm 2017, chị có vay của chị D nhiều lần, nhưng vay rồi lại trả, chị không nhớ cụ thể số lần vay. Đến năm 2018, chị và chị D có chốt lại số nợ. Chị nhất trí với chị D về tổng số nợ vay là 330.000.000 đồng và các lần vay cụ thể như chị D đã trình bày. Khi vay, các bên thoả thuận bằng miệng lãi suất là 2.000đ/1 triệu/1 ngày. Chị không nhớ là đã trả bao nhiêu tiền lãi, bao nhiêu lần, chị đã thanh toán tiền lãi đến hết tháng 05/2018. Từ tháng 06/2018 cho đến nay, chị chưa trả được đồng tiền gốc và lãi nào. Với yêu cầu của chị D, chị đồng ý trả số tiền gốc là 330.000.000 đồng, còn về số tiền lãi do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị xin số tiền lãi. Số tiền gốc 330.000.000 đồng, chị xin trả dần, ba tháng trả một lần, mỗi lần 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền gốc, nếu kinh tế ổn định hơn, chị trả thêm cho chị D. Chị Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ liên quan đến lãi suất vay và việc trả lãi và chị cũng không yêu cầu Toà án xem xét lại số tiền lãi đã trả cho chị D. Tại các buổi làm việc, chị đồng ý với mức lãi suất là 3.300.000 đồng/tháng (tương đương 1%/tháng) nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chị xin không phải trả lãi. Việc vay nợ này chồng chị là anh Nguyễn Văn Th không biết và không liên quan gì. Tại phiên toà, chị giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng Điều 463, 466, 468, 375 và Điều 470 Bộ luật Dân sự: Buộc chị Phạm Thị Q có trách nhiệm trả nợ cho chị Phạm Thị D số tiền gốc và lãi đến tháng 11/2019 là 389.400.000 đồng. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội để tuyên án phí dân sự sơ thẩm đối với chị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại xã Nghĩa Trung huyện N vì vậy Toà án nhân dân huyện N thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thời hiệu và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ của nguyên đơn chị Phạm Thị D cung cấp cũng như lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn chị Phạm Thị Q trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay xác định chị Q vay tiền của chị D từ tháng 02/2018 và lãi suất là 1%/1 tháng, nhưng từ tháng 6/2018 cho đến nay chị Q chưa trả lãi và gốc cho chị D nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Hai bên xác lập giao dịch dân sự năm 2018 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án. Về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thì tranh chấp vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung: Trên cơ sở là chỗ quen biết hàng xóm của nhau nên nguyên đơn chị Phạm Thị D cho bị đơn là chị Phạm Thị Q vay tổng cộng là 03 lần, cụ thể: Lần 1 vào ngày 30/02/2018, cho vay 155.000.000 đồng; lần 2: Ngày 15/3/2018, cho vay 95.000.000 đồng và lần 3: Ngày 25/6/2018, cho vay 80.000.000 đồng. Tổng số tiền cho vay là 330.000.000 đồng. Chị Q thừa nhận có vay của chị D tổng số tiền 330.000.000 đồng với các lần vay như trên. Tại các buổi làm việc chị D và chị Q đều thống nhất mức lãi suất vay là 3.300.000đồng/ tháng (tương đương 1%/tháng). Như vậy việc vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật và việc thoả thuận lãi suất vay 3.300.000đồng/ tháng (tương đương 1%/tháng) là đúng theo quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy yêu cầu khởi kiện của chị D buộc chị Q phải trả cả số tiền gốc đã vay 330.000.000 đồng và tiền lãi vay từ tháng 06/2018 cho đến tháng 11/2019 là 59.400.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn.

Xét quan điểm của bị đơn về việc khi vay, các bên thoả thuận bằng miệng mức lãi suất là 2.000đ/1 triệu/1 ngày và chị đã nhiều lần thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn nhưng bị đơn không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh và tại phiên toà bị đơn cũng không yêu cầu Toà án xem xét lại số tiền lãi đã thanh toán cho nguyên đơn nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị đơn xin trả dần số tiền gốc 330.000.000 đồng, cụ thể: Ba tháng trả một lần, mỗi lần 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền gốc, nếu kinh tế ổn định hơn, chị trả thêm cho nguyên đơn và số tiền lãi do hoàn cảnh khó khăn nên chị xin không phải trả lãi. Nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bị đơn, do vậy ý kiến của bị đơn không được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của chị D được chấp nhận nên căn cứ Điều 6; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị đơn chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị D không phải chịu án phí dân sự nên số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị D đã nộp được hoàn trả.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị D. Buộc bị đơn là chị Phạm Thị Q phải trả cả số tiền gốc đã vay và tiền lãi vay từ tháng 06/2018 cho đến tháng 11/2019 tổng cộng là 389.400.000 (Ba trăm tám mươi chín triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Phạm Thị D có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Phạm Thị Q chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Q phải nộp 19.470.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho chị D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/06444 ngày 17/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan và bị đơn có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương

Nơi nhận:
- Toà án nhân dântỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.